**Tuần 15 – Tiết PPCT 29 Ngày soạn: 5/12/2024**

**BÀI 15: CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

# I. MỤC TIÊU

### 1. Kiến thức:

### - Trình bày và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ.

- Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích tình hình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp.

### 2. Năng lực:

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: tự thực hiện được các nhiệm vụ học tập trên lớp và ở nhà.

+ Giao tiếp và hợp tác: đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm và nhóm khác; rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý được cho từng người trong nhóm.

- Năng lực đặc thù:

+ Nhận thức khoa học Địa lí: trình bày và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ.

+ Tìm hiểu địa lí: sử dụng bảng số liệu, biểu đồ để trình bày sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Khai thác, chọn lọc được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta.

### 3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Học sinh thấy được sự chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp nước ta theo hướng tích cựcvà những thành tựu do sự chuyển dịch đúng đắn mang lại.

- Trung thực: trung thực trong học tập, thẳng thắn thảo luận, góp ý, nhận xét.

- Chăm chỉ, có trách nhiệm: nỗ lực học tập để đáp ứng xu thế giai đoạn chuyển dịch cơ cấu kinh tế đất nước hiện nay và trong tương lai, chăm học, chăm làm, có tinh thần tự học, nhiệt tình tham gia công việc chung, vượt khó trong công việc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

### 1. Giáo viên

- Máy tính, TV.

- Bảng số liệu, biểu đồ về cơ cấu công nghiệp nước ta.

- SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

**2. Học sinh**

SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**A. Ổn định lớp**

**B. Bài mới**

### 1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

**a) Mục tiêu:**

- Gợi mở nội dung bài học mới.

- Tạo hứng thú cho HS trước khi bước vào tiết học.

**b) Nội dung:** GV nêu vấn đề: *Cơ cấu công nghiệp là sự sắp xếp, bố trí các hoạt động theo ngành, theo lãnh thổ hoặc theo thành phần nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao, phát triển bền vững theo định hướng của đất nước. Vậy cơ cấu công nghiệp nước ta đang có sự chuyển dịch như thế nào?*

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh (Cơ cấu công nghiệp nước ta đang có sự chuyển dịchtheo ngành: tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo giảm tỉ trọng công nghiệp khai khoáng; theo thành phần kinh tế: giảm tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước, tăng tỉ trọng khu vực kinh tế ngoài Nhà nước, đặc biệt là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài; theo lãnh thổ: sự thay đổi giá trị sản xuất công nghiệp giữa các vùng, sự hình thành và phát triển các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp mới và có hiệu quả hơn).

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp nêu vấn đề.

– Bước 1: GV nêu vấn đề: *Cơ cấu công nghiệp là sự sắp xếp, bố trí các hoạt động theo ngành, theo lãnh thổ hoặc theo thành phần nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao, phát triển bền vững theo định hướng của đất nước. Vậy cơ cấu công nghiệp nước ta đang có sự chuyển dịch như thế nào?*

– Bước 2: HS vận dụng hiểu biết thực tế của bản thân, tìm câu trả lời.

– Bước 3: HS trả lời. GV có thể gọi nhiểu HS trả lời để biết được hiểu biết thực tế và khả năng suy luận, phán đoán của HS.

– Bước 4: GV kết luận, GV dẫn dắt vào bài.

**2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**

**a) Mục tiêu:** Trình bày và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ.

**b) Nội dung:** HS làm việc nhóm, tổng hợp kiến thức từ các bài học trước và tìm kiếm tư liệu, hoàn thiện báo cáo theo yêu cầu.

|  |
| --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **I. Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành**  - Sự chuyển dịch:  + Xu hướng chung: cơ cấu công nghiệp theo ngành tương đối đa dạng, có sự chuyển dịch theo hướng: giảm tỉ trọng nhóm ngành khai khoáng, tăng tỉ trọng của nhóm ngành chế biến, chế tạo.  + Trong nội bộ nhóm ngành: có sự phát triển theo hướng tiếp cận công nghệ tiên tiến, hiện đại với sự chuyển dịch từ các ngành và công nghệ sản xuất sử dụng nhiều lao động sang các ngành công nghiệp công nghệ cao.  + Trong từng ngành:  • Chuyển dịch từ các công đoạn có giá trị gia tăng thấp sang các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu,  • Chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng năng lượng tái tạo trong công nghiệp sản xuất điện.  • Công nghiệp hỗ trợ được hình thành và phát triển.  - Nguyên nhân: Quá trình tái cấu trúc, nội địa hóa sản phẩm, phát triển công nghiệp xanh, hội nhập quốc tế.  **II. Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế**  - Sự chuyển dịch: có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước, tăng tỉ trọng khu vực kinh tế ngoài Nhà nước, đặc biệt là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.  - Nguyên nhân: chính sách phát triển kinh tế mở, kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.  **III. Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ**  - Sự chuyển dịch: Cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ ở nước ta có sự chuyển dịch, biểu hiện: Sự thay đổi giá trị sản xuất công nghiệp giữa các vùng, sự hình thành và phát triển các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp mới và có hiệu quả hơn.  + Giá trị sản xuất công nghiệp theo vùng kinh tế có sự thay đổi rõ rệt, nhất là ở các vùng đóng góp lớn về giá trị sản xuất công nghiệp trong cả nước.  + Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp đã được hình thành và phát triển vài thập kỉ trước đây ngày càng được mở rộng; nhiều trung tâm công nghiệp mới nổi lên.  + Xuất hiện một số địa phương phát triển mạnh công nghiệp những năm gần đây.  - Nguyên nhân: tác động của hàng loạt nhân tố, phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần kinh tế và các chính sách phát triển công nghiệp, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, khoa học – công nghệ, cải thiện cơ sở hạ tầng,... |

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện kĩ thuật mảnh ghép.

– Bước 1: GV giao nhiệm vụ nhóm mảnh ghép. Mỗi nhóm 4 – 5 HS, đảm bảo mỗi thành viên trong từng nhóm đều tìm hiểu được tất cả các nội dung trong nhiệm vụ được giao và trở thành chuyên gia của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại câu trả lời của nhóm ở vòng 2.

+ Vòng 1 (nhóm chuyên gia):

* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành.
* Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo thành phần.
* Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ. Mỗi HS có sản phẩm cá nhân, có thể dạng bảng hoặc bài viết vào vở.

+ Vòng 2 (nhóm mảnh ghép): Giải thích tại sao công nghiệp có sự chuyển dịch như vậy?

– Bước 2: HS làm việc theo nhóm.

– Bước 3: Nhóm mảnh ghép trình bày sự chuyển dịch và nguyên nhân tại sao phải chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp. Các nhóm khác tự bổ sung vào vở ghi và góp ý cho nhóm bạn.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

**3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố lại và khắc sâu các kiến thức đã được tìm hiểu trong bài học.

**b) Nội dung:** Học sinh làm bài tập: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống.

Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta hiện nay …………(1)………… và đang có sự chuyển dịch. Tỉ trọng nhóm ngành khai khoáng có xu hướng ..........(2)………. và nhóm ngành chế biến, chế tạo có xu hướng ..........(3)………. Nội bộ nhóm ngành chuyển dịch theo hướng hiện đại, sử dụng công nghệ tiên tiến. Tỉ trọng các ngành sử dụng nhiều lao động ……….(4)………. và tỉ trọng các ngành công nghiệp cao ..........(5)………. Công nghiệp hỗ trợ hình thành và phát triển, góp phần nâng cao tỉ lệ nội địa hoá trong các ngành công nghiệp.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh (1. Tương đối đa dạng; 2. giảm; 3. tăng; 4. giảm; 5. tăng).

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp vấn đáp.

– Bước 1: GV đưa ra yêu cầu, trình chiếu câu hỏi, học sinh có nhiệm vụ tìm thông tin đúng để điền vào chỗ trống.

– Bước 2: HS đọc đoạn thông tin, nhớ lại kiến thức đã học để trả lời.

– Bước 3: GV gọi đại diện HS trả lời.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

### 4. Hoạt động 4: Vận dụng

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học, giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS:Sưu tầm thông tin, tìm hiểu về cơ cấu công nghiệp theo ngành hoặc theo thành phần kinh tế ở địa phương em.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

|  |
| --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Vấn đề cơ cấu công nghiệp theo ngành ở Quảng Nam**  Trên cơ sở nguồn tài nguyên nông nghiệp, lâm nghiệp khoáng sản, nguồn lao động mở ra triển vọng phát triển các ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và chế biến nông nghiệp, lâm sản , chế biến chế tạo, cn phụ trợ với quy mô vừa . Năm 2019, giá trị sản xuất công nghiệp tỉnh Quảng Nam đạt hơn 95 nghìn tỉ đồng. Công nghiệp – xây dựng tốc độ phát triển khá nhanh, tăng bình quân 9,9%/năm, tạo việc làm và đóng góp đáng kể cho ngân sách nhà nước.    Trong thời gian tới, tỉnh Quảng Nam đẩy mạnh thu hút đầu tư, tập trung phát triển sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo, tiểu thủ công nghiệp theo hướng ưu tiên các ngành chế biến, sản xuất các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp năng lượng tái tạo,… |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**–** Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà làm việc, gợi ý những nguồn thông tin tham khảo.

**–** Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**–** Bước 3: HS nộp bài lên nhóm lớp.

**–** Bước 4: GV nhận xét bài làm của HS.

**C. Hướng dẫn về nhà**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: Bài 16: Một số ngành công nghiệp.

**Tuần 15,16 – Tiết PPCT 30,31 Ngày soạn: 10/12/2024**

# BÀI 16: MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP

# (Thời gian thực hiện: 2 tiết)

# I. MỤC TIÊU

### 1. Kiến thức:

### Trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố của một số ngành: khai thác than, dầu, khí; sản xuất điện; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; sản xuất, chế biến thực phẩm; sản xuất đồ uống; dệt, may; giày, dép thông qua bảng số liệu, tư liệu,...

### 2. Năng lực:

- Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ tự học: thông qua việc thu thập thông tin và trình bày về tình hình phát triển và phân bố các ngành công nghiệp.

+ Giao tiếp và hợp tác: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; đề xuất và lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.

- Năng lực đặc thù:

+ Nhận thức khoa học Địa lí: trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố của một số ngành công nghiệp nước ta.

+ Tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ, bảng số liệu, tư liệu,... để trình bày đặc điểm phát triển và phân bố của một số ngành công nghiệp nước ta.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống có vấn đề được đặt ra. Khai thác, chọn lọc được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về thực trạng phát triển, phân bố các ngành công nghiệp ở nước ta.

### 3. Phẩm chất:

- Yêu nước, nhân ái: nhận thức đúng đắn về vai trò của công nghiệp, các lợi thế, mặt tích cực của sự phát triển nền kinh tế công nghiệp; biết ơn thế hệ đi trước đã tạo nên những thành tựu vẻ vang cho quê hương, đất nước.

- Trung thực: trung thực trong học tập, thẳng thắn thảo luận, góp ý, nhận xét.

- Chăm chỉ, trách nhiệm: có tinh thần tự học, tham gia nhiệt tình vào các hoạt động học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

### 1. Giáo viên

- Máy tính, TV.

- Bản đồ phân bố một số ngành công nghiệp Việt Nam.

- Bảng số liệu, biểu đồ, hình ảnh,... về các ngành công nghiệp nước ta.

- Phiếu học tập.

- SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

**2. Học sinh**

SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**A. Ổn định lớp**

**B. Bài mới**

### 1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

**a) Mục tiêu:**

- Gợi mở nội dung bài học mới.

- Tạo hứng thú cho HS trước khi bước vào tiết học.

**b) Nội dung:**

- Trò chơi: **“Ai nhanh hơn”.**

- Chủ đề:Các sản phẩm công nghiệp gia đình và cá nhân em đang sử dụng.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh (VÍ DỤ: máy giặt, tivi, nồi cơm điện, quần áo, giày dép, mỹ phẩm, khẩu trang, nón bảo hiểm, mắt kính, đồng hồ,…)

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp trò chơi.

– Bước 1: GV giao nhiệm vụ, học sinh trả lời cá nhân.

**+ Nhiệm vụ:** Mỗi học sinh tự chuẩn bị 1 tờ giấy,ghi tên các sản phẩm công nghiệp gia đình và cá nhân em đang sử dụng, đánh số thứ tự cho từng sản phẩm.

**+ Thời gian:** 3 phút.

– Bước 2: Khi có hiệu lệnh bắt đầu, HS suy nghĩ, tự viết tên các sản phẩm vào giấy note nhanh nhất có thể.

– Bước 3: Hết thời gian, cá nhân học sinh chuyển kết quả liệt kê của mình cho bạn bên cạnh; GV sẽ điều khiển chấm phiếu theo số lượng sản phẩm được liệt kê, bắt đầu tính từ phiếu có nhiều sản phẩm nhất. 3 hoặc 5 học sinh có nhiều sản phẩm đúng với yêu cầu nhất sẽ được ghi điểm.

– Bước 4: GV tổng hợp kiến thức, dẫn dắt vào bài.

**2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**

**2.1.Hoạt động 2.1: Tìm hiểu công nghiệp khai thác than, dầu, khí**

**a) Mục tiêu:** Trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố của công nghiệp khai thác than, dầu, khí.

**b) Nội dung:** HS hoạt động nhóm (mỗi nhóm 4 – 6 học sinh), đọc mục I. sách giáo khoa, hoàn thành phiếu học tập.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** | | |
| **Ngành** | **Đặc điểm phát triển** | **Phân bố** |
| **Khai thác than** |  |  |
| **Khai thác dầu thô, khí tự nhiên** |  |  |

**c) Sản phẩm:** Phiếu học tập hoàn thiện của học sinh.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** | | |
| **PHIẾU HỌC TẬP** | | |
| **Ngành** | **Đặc điểm phát triển** | **Phân bố** |
| **Khai thác than** | - Nước ta có lịch sử khai thác than từ đầu thế kỉ XIX.  - Sản lượng than tăng nhanh, năm 2021 đạt 48,3 triệu tấn.  - Ngành than đã được đầu tư, áp dụng công nghệ mới tiên tiến, hiện đại, cơ giới hoá, tự động hoá đồng bộ, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạn chế tác động đến môi trường.  - Than khai thác chủ yếu phục vụ công nghiệp nhiệt điện và xuất khẩu. | Chủ yếu ở Quảng Ninh, ngoài ra còn được khai thác ở các tỉnh như Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Giang,... |
| **Khai thác dầu thô, khí tự nhiên** | - Ngành công nghiệp dầu khí có lịch sử phát triển muộn hơn công nghiệp khai thác than.  - Sản lượng dầu thô và khí tự nhiên khai thác trong những năm gần đây có biến động, năm 2021 đạt 9,1 triệu tấn.  - Những năm gần đây, nước ta có triển khai đầu tư khai thác dầu khí ở nước ngoài, năm 2021 đạt 1,9 triệu tấn.  - Nhiều công nghệ mới, tiên tiến trong khai thác dầu khí đã được áp dụng. Trong tương lai, ngành công nghiệp dầu khí sẽ phát triển theo hướng tăng cường chế biến sâu để đảm bảo nguồn năng lượng quốc gia. | Chủ yếu ở thềm lục địa phía nam với các mỏ Rồng, Bạch Hổ, Rạng Đông, Hồng Ngọc,... Khí tự nhiên được khai thác chủ yếu ở các bể Cửu Long, Nam Côn Sơn, Malay – Thổ Chu,... |

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện kĩ thuậtlàm việc nhóm.

– Bước 1: Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ:

+ Học sinh hoàn thành phiếu học tập của mình.

+ Sau khi hoàn thành phiếu học tập, học sinh về nhóm của mình, thảo luận hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 2: Mỗi học sinh làm việc độc lập hoàn thành phiếu học tập; sau đó về nhóm thảo luận, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm, thống nhất kết quả thảo luận, hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 3: Giáo viên chỉ định đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận.

#### – Bước 4: Giáo viên nhận xét, góp ý, chuẩn kiến thức và tuyên dương những nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

**2.2.Hoạt động 2.2: Tìm hiểu công nghiệp sản xuất điện**

**a) Mục tiêu:** Trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố của công nghiệp sản xuất điện.

**b) Nội dung:** HS hoạt động nhóm (mỗi nhóm 4 – 6 học sinh), đọc mục II. sách giáo khoa, hoàn thành phiếu học tập.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** | | | | | |
| \* Đặc điểm phát triển chung:  \* Tình hình cụ thể từng ngành:  - Về thuỷ điện:  + Tiềm năng:  + Các nhà máy: | | | | | |
| **Tên nhà máy** | | **Công suất** | | **Phân bố** | |
| - Hòa Bình | |  | |  | |
| - Sơn La | |  | |
| - Lai Châu | |  | |
| - Yaly | |  | |  | |
| - Sê San 3 | |  | |
| - Sê San 4 | |  | |
| - Đồng Nai 4 | |  | |
| - Đại Ninh | |  | |  | |
| - Trị An | |  | |  | |
| - Cần Đơn | |  | |
| - Về nhiệt điện:  + Tiềm năng:  ▪ Miền Bắc:  ▪ Miền Trung, Nam:  + Các nhà máy: | | | | | |
| **Loại nhà máy** | **Tên nhà máy** | | **Công suất** | | **Phân bố** |
| Nhiệt điện than |  | |  | |  |
|  | |  | |
|  | |  | |
|  | |  | |
|  | |  | |
|  | |  | |
|  | |  | |
| Nhiệt điện khí |  | |  | |  |
|  | |  | |
|  | |  | |
|  | |  | |
| - Điện mặt trời, điện gió và nguồn khác:  + Tiềm năng:  + Phân bố: | | | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại điện** | **Phân bố** | |
| **Địa phương** | **Vùng, lãnh thổ** |
| Điện mặt trời |  |  |
| Điện gió |  |
| Điện rác thải |  |

**c) Sản phẩm:** Phiếu học tập hoàn thiện của học sinh.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** | | | | | |
| **PHIẾU HỌC TẬP** | | | | | |
| \* Đặc điểm phát triển chung:  - Ngành công nghiệp sản xuất điện ở nước ta được hình thành và bắt đầu phát triển từ lâu.  - Sản lượng điện nước ta tăng mạnh, đến năm 2021 đạt 244,9 tỉ kWh.  - Cơ cấu nguồn điện ở nước ta gồm: thuỷ điện, nhiệt điện (than, khí, dầu), điện mặt trời, điện gió và nguồn khác.  - Bên cạnh việc cải tiến kĩ thuật, nâng cấp công nghệ, tăng khả năng vận hành, ngành điện nước ta đang từng bước thực hiện chuyển dịch cơ cấu sang các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo khác.  - Các thành tựu khoa học – công nghệ hiện đại, thông minh được ứng dụng hiệu quả trong sản xuất, vận hành, quản lí hệ thống lưới điện....  \* Tình hình cụ thể từng ngành:  - Về thuỷ điện:  + Tiềm năng: lớn.  + Các nhà máy: | | | | | |
| **Tên nhà máy** | | **Công suất** | | **Phân bố** | |
| - Hòa Bình | | - 1920 MW | | Trung du và miền núi Bắc Bộ | |
| - Sơn La | | - 2400 MW | |
| - Lai Châu | | - 1200 MW | |
| - Yaly | | - 720 MW | | Tây Nguyên | |
| - Sê San 3 | | - 260 MW | |
| - Sê San 4 | | - 360 MW | |
| - Đồng Nai 4 | | - 340 MW | |
| - Đại Ninh | | - 300 MW | | Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung | |
| - Trị An | | - 400 MW | | Đông Nam Bộ | |
| - Cần Đơn | | - 77,6 MW | |
| - Về nhiệt điện:  + Tiềm năng: lớn.  ▪ Miền Bắc: sản xuất điện chủ yếu từ than.  ▪ Miền Trung, Nam: chủ yếu từ dầu, khí.  + Các nhà máy: | | | | | |
| **Loại nhà máy** | **Tên nhà máy** | | **Công suất** | | **Phân bố** |
| Nhiệt điện than | - Phả Lại 2 | | - 600 MW | | Phía Bắc |
| - Quảng Ninh 1 | | - 600 MW | |
| - Mông Dương 1 | | - 1080 MW | |
| - Hải Phòng 1 | | - 600 MW | |
| - Duyên Hải 1 | | - 1245 MW | |
| - Vũng Áng 1 | | - 1200 MW | |
| - Vĩnh Tân 2 | | - 1244 MW | |
| Nhiệt điện khí | - Phú Mỹ 1 | | - 1140 MW | | Phía Nam |
| - Cà Mau 1 | | - 771 MW | |
| - Nhơn Trạch 2 | | - 750 MW | |
| Ô Môn 1 | | - 660 MW | |
| - Điện mặt trời, điện gió và nguồn khác:  + Tiềm năng: lớn.  + Phân bố: | | | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại điện** | **Phân bố** | |
| **Địa phương** | **Vùng, lãnh thổ** |
| Điện mặt trời | Ninh Thuận, Đắk Lắk,... | Chủ yếu ở Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long. |
| Điện gió | Đắk Lắk, Bạc Liêu, Cà Mau,... |
| Điện rác thải | Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ,... |

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện kĩ thuật chia sẻ cặp đôi.

– **Bước 1**: Giáo viên yêu cầu học sinh hoàn thành phiếu học tập.

– **Bước 2**: Học sinh hoàn thành phiếu học tập của mình. Sau đó trao đổi với bạn cặp đôi để hoàn thiện phiếu học tập.

– **Bước 3**: Giáo viên chỉ định đại diện một HS trình bày nội dung trước lớp, các HS khác bổ sung.

– **Bước 4**: Giáo viên nhận xét, kết luận.

**2.3.Hoạt động 2.3: Tìm hiểu công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và**

**công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm**

**a) Mục tiêu:** Trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố của công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm.

**b) Nội dung:** HS hoạt động nhóm (mỗi nhóm 4 – 6 học sinh), đọc mục III, mục IV. sách giáo khoa, hoàn thành phiếu học tập.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** | | |
| **Ngành** | **Đặc điểm phát triển** | **Phân bố** |
| **Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính** |  |  |
| **Sản xuất, chế biến thực phẩm** |  |  |

**c) Sản phẩm:** Phiếu học tập hoàn thiện của học sinh.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** | | |
| **PHIẾU HỌC TẬP** | | |
| **Ngành** | **Đặc điểm phát triển** | **Phân bố** |
| **Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính** | - Là ngành xuất hiện muộn hơn so với các ngành công nghiệp khác.  - Cơ cấu của ngành rất đa dạng, gồm các lĩnh vực như sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất máy vi tính, điện thoại di động, thiết bị điện dân dụng,...  - Tốc độ tăng trưởng cao, đem lại giá trị kinh tế lớn và có tác động mạnh mẽ đến sự chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta.  - Định hướng phát triển của ngành là tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu, gia tăng giá trị nội địa,... | Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng, Thái Nguyên, Bắc Giang, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương. |
| **Sản xuất, chế biến thực phẩm** | - Là ngành được phát triển từ lâu đời dựa vào nguồn nguyên liệu dồi dào, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.  - Sản lượng: ngành nhìn chung tăng lên trong giai đoạn 2010 – 2021.  - Chất lượng sản phẩm của ngành ngày càng được nâng cao, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm nhờ đẩy mạnh áp dụng các công nghệ mới vào sản xuất.  - Định hướng phát triển: thu hút đầu tư; chú trọng công nghệ tự động hoá, quản lí chất lượng; phát triển chuỗi sản phẩm theo hướng nâng cao giá trị gia tăng; đa dạng hoá sản phẩm cho thị trường nội địa; mở rộng thị trường xuất khẩu, chủ động hội nhập quốc tế. | Rộng khắp cả nước. Các trung tâm công nghiệp chế biến thực phẩm lớn là TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương, Đồng Nai, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ,... |

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện kĩ thuậtlàm việc nhóm.

– Bước 1: Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ:

+ Học sinh hoàn thành phiếu học tập của mình.

+ Sau khi hoàn thành phiếu học tập, học sinh về nhóm của mình, thảo luận hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 2: Mỗi học sinh làm việc độc lập hoàn thành phiếu học tập; sau đó về nhóm thảo luận, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm, thống nhất kết quả thảo luận, hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 3: Giáo viên chỉ định đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận.

#### – Bước 4: Giáo viên nhận xét, góp ý, chuẩn kiến thức và tuyên dương những nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

**2.4.Hoạt động 2.4: Tìm hiểu công nghiệp sản xuất đồ uống,**

**công nghiệp dệt và sản xuất trang phục, công nghiệp sản xuất giày dép**

**a) Mục tiêu:** Trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố của công nghiệp sản xuất đồ uống, công nghiệp dệt và sản xuất trang phục, công nghiệp sản xuất giày dép.

**b) Nội dung:** HS hoạt động nhóm (mỗi nhóm 4 – 6 học sinh), đọc mục V, mục VI, mục VII. sách giáo khoa, hoàn thành phiếu học tập.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** | | |
| **PHIẾU HỌC TẬP** | | |
| **Ngành** | **Đặc điểm phát triển** | **Phân bố** |
| **Sản xuất đồ uống** |  |  |
| **Dệt và sản xuất trang phục** |  |  |
| **Sản xuất giày dép** |  |  |

**c) Sản phẩm:** Phiếu học tập hoàn thiện của học sinh.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** | | |
| **Ngành** | **Đặc điểm phát triển** | **Phân bố** |
| **Sản xuất đồ uống** | - Là một trong những ngành có truyền thống lâu đời ở nước ta.  - Công nghệ mới đã được áp dụng trong sản xuất nên chất lượng sản phẩm đồ uống được cải thiện, giữ được thị phần trong nước và bước đầu xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.  - Định hướng phát triển của ngành là sản xuất theo hướng bền vững như: sử dụng các nguồn nguyên liệu hữu cơ, tái sử dụng – tái chế chất thải hoặc sản phẩm dư thừa từ quá trình sản xuất của ngành,... | Tập trung ở các đô thi lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hạ Long,... |
| **Dệt và sản xuất trang phục** | - Là ngành được hình thành từ sớm và trở thành một trong những ngành công nghiệp quan trọng hiện nay.  - Các sản phẩm chính của ngành là sợi, vải, quần áo,... có sản lượng tăng liên tục.  - Nhiều sản phẩm đã đáp ứng nhu cầu thị hiếu của khách hàng trong và ngoài nước về chất lượng và mẫu mã. Công nghệ in 3D đã được áp dụng vào quá trình sản xuất.  - Định hướng phát triển của ngành là chuyển từ gia công sang các hình thức sản xuất đòi hỏi năng lực cao hơn về quản lí chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, thiết kế và xây dựng thương hiệu. | Phát triển mạnh ở các địa phương như: Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Cần Thơ, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng,.... |
| **Sản xuất giày dép** | - Từ năm 2000 đến nay, công nghiệp sản xuất giày, dép ở nước ta phát triển nhanh, các sản phẩm giày, dép trở thành một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực.  - Đẩy mạnh tự động hoá, tích hợp hệ thống trong sản xuất, thay đổi phương thức cung ứng nguyên, phụ liệu để phù hợp với chuỗi cung ứng toàn cầu.  - Định hướng phát triển: phát triển hiệu quả, bền vững theo mô hình kinh tế tuần hoàn; hoàn thiện chuỗi giá trị sản xuất trong nước, tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu; phát triển được một số thương hiệu mang tầm khu vực và thế giới. | Các cơ sở sản xuất giày, dép tập trung ở Hà Nội và các tỉnh phía Nam, đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai,... |

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện kĩ thuậtlàm việc nhóm.

– Bước 1: Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ:

+ Học sinh hoàn thành phiếu học tập của mình.

+ Sau khi hoàn thành phiếu học tập, học sinh về nhóm của mình, thảo luận hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 2: Mỗi học sinh làm việc độc lập hoàn thành phiếu học tập; sau đó về nhóm thảo luận, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm, thống nhất kết quả thảo luận, hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 3: Giáo viên chỉ định đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận.

#### – Bước 4: Giáo viên nhận xét, góp ý, chuẩn kiến thức và tuyên dương những nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

# 3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức đã học về một số ngành công nghiệp.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi:

**1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Mỗi câu HS chọn 1 phương án đúng.

**Câu 1:** Điều kiện thuận lợi để phát triển năng lượng mặt trời ở nước ta là

**A.** có gió Mậu Dịch. **B.** số giờ nắng lớn. **C.** vùng biển rộng lớn. **D.** có nhiều than đá.

**Câu 2:** Các nhà máy điện ở nước ta phân bố gắn với

**A.** vùng biển rộng. **B.** thành phố lớn.

**C.** nguồn nhiên liệu. **D.** vùng nông nghiệp.

**Câu 3:** Nhiệt điện ở nước ta hiện nay hoạt động **không** dựa vào cơ sở nhiên liệu là

**A.** than đá. **B.** dầu. **C.** khí đốt. **D.** thủy triều.

**Câu 4:** Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm tập trung tại vùng đồng bằng do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Vị trí địa lí thuận lợi. **B.** Lao động dồi dào.

**C.** Cơ sở hạ tầng hiện đại. **D.** Nguyên liệu dồi dào.

**Câu 5:** Tiềm năng thủy điện nước ta tập trung nhiều nhất ở vùng

**A.** Duyên hải miền Trung. **B.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 6:** Thế mạnh lớn nhất của ngành công nghiệp dệt may nước ta là

**A.** vốn đầu tư không nhiều và sử dụng nhiều lao động nữ.

**B.** hệ thống máy móc không cần hiện đại và chi phí thấp.

**C.** nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**D.** truyền thống từ lâu đời với kinh nghiệm rất phong phú.

**2. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, HS chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1:** Cho thông tin sau:

Ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm phân bố rộng khắp cả nước dựa trên cơ sở nguổn nguyên liệu tại chỗ. Các trung tâm công nghiệp chế biến thực phẩm lớn ở nước ta là Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương, Đồng Nai, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ,...

**a)** Các trung tâm chế biến thực phẩm lớn ở nước ta đồng thời là các đô thị lớn.

**b)** Ngành chế biến thực phẩm phân bố rộng chủ yếu do nguồn nguyên liệu dồi dào khắp các vùng trong cả nước.

**c)** Việc tham gia vào các hiệp định thương mại tạo thuận lợi mở rộng thị trường xuất khẩu cho các mặt hàng chế biến của nước ta.

**d)** Lực lượng lao động đông, chất lượng cao là điều kiện chủ yếu góp phần nâng cao chất lượng các mặt hàng chế biến.

**Câu 2:** Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN VÀ CƠ CẤU SẢN LƯỢNG ĐIỆN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2021

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  **Tiêu chí** | **2010** | **2015** | **2021** |
| Sản lượng điện *(tỉ kWh)* | 91,7 | 157,9 | 244,9 |
| Cơ cấu sản lượng điện *(%)* | | | |
| *- Thuỷ điện* | *38,0* | *34,2* | *30,6* |
| *- Nhiệt điện* | *56,0* | *63,8* | *56,2* |
| *- Các nguồn khác* | *6,0* | *2,0* | *13,2* |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022;*

*Tập đoàn Điện lực Việt Nam năm 2022)*

**a)** Sản lượng điện tăng liên tục qua các năm.

**b)** Cơ cấu sản lượng điện tương đối đồng đều giữa các nguồn năng lượng.

**c)** Nhiệt điện đóng vai trò quan trọng và chủ yếu nhất trong cơ cấu sản lượng điện.

**d)** Nguồn năng lượng dồi dào là nguyên nhân chủ yếu làm cho sản lượng điện tăng nhanh.

**3. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.**

**Câu 1:** Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NGÀNH CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA NĂM 2010

VÀ NĂM 2021 *(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2021** |
| **Giá trị sản xuất** | 3045,6 | 13026,8 |

*(Nguồn: Tổng cục thống kê năm 2021, 2022)*

Căn cứ vào bảng số liệu, tính tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp của nước ta năm 2021 so với năm 2010. (lấy năm 2010 làm gốc = 100% và làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn**

**1B, 2C, 3D, 4D, 5B, 6C**

**2. Câu trắc nghiệm đúng sai**

**Câu 1: Đáp án: a,b,c đúng; d : sai.**

**Câu 2: Đáp án: a,c đúng; b,d : sai.**

**3. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.**

**Câu 1.** **Đáp án: 428%**

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp vấn đáp.

– Bước 1: GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi.

– Bước 2: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

– Bước 3: GV mời một số HS trình bày, HS khác bổ sung.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

**4. Hoạt động vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS:Sưu tầm thông tin, tìm hiểu về một ngành công nghiệp quan trọng đối với địa phương em.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

|  |
| --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Công nghiệp sản xuất và phân phối điện**  - Vai trò: Có vị thế cao so với các tỉnh trong vùng Tây Nguyên bao gồm các ngành thủy điện, điện mặt trời; điện gió và điện sinh khối; là ngành có đóng góp lớn cho phát triển công nghiệp của tỉnh.  - Năm 2020, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 10,1 nghìn tỉ đồng (giá so sánh) gấp 1,3 lần so với năm 2015.  + Thủy điện: Tỉnh Gia Lai hiện có 49 dự án thủy điện đang vận hành với tổng công suất 2246,15 MW.  + Điện sinh khối: Có hai dự án nhà máy điện sinh khối (từ bã mía) đang vận hành với tổng công suất 144,6 MW.  + Điện mặt trời: Có hai dự án điện mặt trời với tổng công suất 84MWp.  + Điện gió: Có 17 dự án điện gió đã được đầu tư, với tổng quy mô công suất 1242,4 MW và tổng vốn đầu tư dự kiến 43 197,63 tỉ đồng. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**–** Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà làm việc, gợi ý những nguồn thông tin tham khảo.

**–** Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**–** Bước 3: HS nộp bài lên nhóm lớp.

**–** Bước 4: GV nhận xét bài làm của HS.

**C. Hướng dẫn về nhà**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: Bài 16: Một số ngành công nghiệp.